

Câu I (2,5 điểm)

1. Tính $I = \iint_D (x+2y)dxdy$, với D là miền giới hạn bởi các đường $y = x^2$, $y = 2x^2$ và $x = 1$.
2. Tính thể tích của vật thể G giới hạn bởi các mặt $z = x^2 + y^2$ và $z = 2 - x^2 - y^2$.

Câu II (2,5 điểm) Tính các tích phân đường sau.

1. $J = \int_L x^2 y dl$, với L là nửa đường tròn $y = \sqrt{1-x^2}$.
2. $K = \int_C (2x+3y)dx + (x^2-y)dy$, với C là đường $y = x^2 - 1$ đi từ $A(-1;0)$ đến $B(-1;0)$.

Câu III (1,5 điểm) Cho trường vectơ $\vec{F} = (2x + 3yz, 3xz - 2y, 3xy + 2z)$.

1. Chứng minh \vec{F} là trường thế.
2. Tính thông lượng của trường vectơ \vec{F} qua phía ngoài mặt cầu $S: (x-1)^2 + (y+1)^2 + z^2 = 4$.

Câu IV (1,0 điểm) Tính $H = \iint_S (1-z^2)z dS$, với S là nửa mặt cầu

$$z = -\sqrt{1-x^2-y^2}.$$

Câu V (2,5 điểm) Giải các phương trình vi phân sau.

1. $(3x^2 + 4y)dx + (4x + 5y^4)dy = 0$.
2. $y'' + 4y = x - \sin 2x$.

Ghi chú: Cán bộ coi thi không được giải thích đề thi.

Chuẩn đầu ra của học phần (về kiến thức)	Nội dung kiểm tra
[CĐR 2.2]: Áp dụng công thức tính ra kết quả bằng số các dạng tích phân hàm nhiều biến. [CĐR 2.3]: Vận dụng ý nghĩa và mối quan hệ của các dạng tích phân hàm nhiều biến để giải quyết một số bài toán ứng dụng như: tính diện tích miền phẳng, tính diện tích mặt	Câu I Câu II

cong, tính thể tích vật thể, tính độ dài đường cong, tính công sinh ra bởi một lực, tính khối lượng vật thể....	Câu IV
[CĐR 1.5]: Viết được công thức tính các đại lượng đặc trưng của trường vec tơ.	Câu III
[CĐR 1.7]: Trình bày được các bước để tìm nghiệm của một số phương trình vi phân dạng đặc biệt. [CĐR 2.4]: Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để tìm nghiệm tổng quát, nghiệm riêng của một số dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2.	Câu V

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Thông qua bộ môn

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Toàn